TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRẦN VĂN THỜI** **TỈNH CÀ MAU**	**ỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 48/2022/DS-ST
Ngày 23-02-2022
"V/v Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Len

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Văn Năm

2. Ông Hồ Quang Minh

- Thư ký phiên tòa*:* Bà Trịnh Nga Muội – Thư ký viên, Toà án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Văn Thời tham gia phiên tòa: Bà Trần Hồng Cẩm - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 02 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 304/2021/TLST-DS ngày 06 tháng 7 năm 2021 về việc "Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2022/QĐXXST-DS ngày 07 tháng 01 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 88/2022/QĐST-DS ngày 26 tháng 01 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Lê Quốc T, Sinh năm: 1962.

Địa chỉ: Khóm 5, thị t T, huyện T, tỉnh C .

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền: Ông Lê Trí T1, sinh năm 1979; Địa chỉ: Ấp 6, xã K, huyện U, tỉnh C (Văn bản ủy quyền ngày 02/7/2021, có mặt)

- *Bị đơn:* 1. Ông Lương Chí L, Sinh năm: 1988 (vắng mặt)

Địa chỉ: Khóm 5, thị t T, huyện T, tỉnh C .

2. Bà Trần Thị C, Sinh năm: 1991(vắng mặt)

Địa chỉ: Khóm 5, thị t T, huyện T, tỉnh C.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

Ông Trần Văn T2 (vắng mặt)

Địa chỉ: Khóm 5, thị t T, huyện T, tỉnh C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Theo đơn khởi kiện của ông Lê Quốc T ngày 01/7/2021 và quá trình giải quyết vụ án ông Lê Trí T1 người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:*

Trước đây ông Lê Quốc T là chủ doanh nghiệp Xăng dầu TH có bán dầu chạy ghe biển cho vợ chồng chị Trần Thị C và anh Lương Chí L nhiều lần với số tiền thiếu 129.139.000 đồng và đến toa thanh toán tháng 5/2019 là 289.463.000 đồng, tổng cộng vợ chồng chị C, anh L thiếu ông T là 418.602.000 đồng. Sau đó vợ chồng chị C và anh L có trả ông T tổng cộng 87.000.000 đồng cụ thể ngày 05/8/2019 anh Trần Văn T2 (em ruột chị C) có gửi trả cho ông T 40.000.000 đồng, ngày 15/9/2019 anh Trần Văn T2 (em ruột chị C) có gửi trả cho ông T 37.000.000 đồng, ngày 09/4/2020, 24/7/2020 chị C có trả ông T mỗi lần 5.000.000 đồng. Đối trừ số tiền chị C đã trả cho ông T, vợ chồng chị C còn thiếu ông T 331.602.000 đồng. Do hiện tại chị C và anh L đã ly hôn, ông T yêu cầu chị C và anh L mỗi người trả cho ông T số tiền 168.801.000 đồng.

- *Bị đơn Chị Trần Thị C trình bày:*

Trước đây chị và chồng chị anh Lương Chí L có ghe biển, có mua dầu của ông Lê Quốc T là chủ doanh nghiệp Xăng dầu TH nhiều lần để đi biển vợ chồng chị có thiếu nợ như sau: Số tiền củ trước đây là 129.139.000 đồng và đến toa thanh toán tháng 5/2019 là 289.463.000 đồng, tổng cộng vợ chồng chị thiếu ông T là 418.602.000 đồng. Sau đó vợ chồng chị có trả ông T tổng cộng 87.000.000 đồng cụ thể ngày 5/8/2019 chị có gửi Trần Văn T2 là em chị trả cho ông T 40.000.000 đồng, ngày 15/9/2019 chị có gửi T2 trả cho T 37.000.000 đồng, ngày 09/4/2020, 24/7/2020 chị có trả ông T mỗi lần 5.000.000 đồng. Đối trừ số tiền chị đã trả cho ông T, vợ chồng chị còn thiếu ông T 331.602.000 đồng.

Hiện tại chị và anh L đã ly hôn, chị đồng ý trả cho ông T ½ số tiền thiếu là 165.801.000 đồng. Trong vụ án này T2 không có liên quan gì, chỉ đi trả tiền dùm cho vợ chồng chị.

Anh Lương Chí L, anh Trần Văn T2 đã được Tòa án tống đạt hợp lệ theo quy định các văn bản tố tụng: Thông báo thụ lý, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng anh L, anh T2 không đến phiên tòa và không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của ông T.

Tại phiên tòa ông T1 trình bày yêu cầu chị C, anh L mỗi người phải có trách nhiệm trả cho ông T số tiền thiếu 165.801.000 đồng.

Ý kiến phát biểu của Viện kiểm sát như sau: Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm và đảm bảo đúng nguyên tắc xét xử. Việc chấp hành pháp luật của các đương sự trong vụ án: Từ khi thụ lý vụ án cũng

như tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định Bộ luật Tố tụng dân sự về quyền và nghĩa vụ của đương sự, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án không thực hiện đúng các quy định Bộ luật Tố tụng dân sự về quyền và nghĩa vụ của đương sự. Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T, buộc chị Trần Thị C, ông Lương Chí L mỗi người có trách nhiệm trả cho ông T số tiền 165.801.000 đồng. Án phí sơ thẩm có giá ngạch các đương sự phải chịu theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Về quan hệ pháp luật tranh chấp được xác định là "Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản" theo quy định tại Điều 431 Bộ luật Dân sự. Do các đương sự đều có nơi cư trú tại huyện Trần Văn Thời, nên Tòa án có thẩm quyền giải quyết vụ án là Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Tại phiên tòa vắng mặt anh Lương Chí L, chị Trần Thị C và anh Trần Văn T2. Xét thấy anh L, chị C và anh T2 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa đến lần thứ 2 nhưng vắng mặt không lý do. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự trên đúng theo quy định.

- Về nội dung:

[3] Nguyên đơn ông Lê Quốc T xác định trước đây ông Lê Quốc T là chủ doanh nghiệp Xăng dầu TH có bán dầu cho vợ chồng chị Trần Thị C và anh Lương Chí L để đi ghe biển nhiều lần với số tiền còn thiếu 129.139.000 đồng và đến toa thanh toán tháng 5/2019 là 289.463.000 đồng, tổng cộng vợ chồng chị C, anh L thiếu ông là 418.602.000 đồng. Sau đó vợ chồng chị C và anh L có trả ông tổng cộng 87.000.000 đồng còn thiếu 331.602.000 đồng, ông yêu cầu chị C, anh L mỗi người phải có trách nhiệm trả cho ông số tiền thiếu 165.801.000 đồng. Chị C thừa nhận Trước đây chị và chồng chị anh Lương Chí L có ghe biển, có mua dầu của ông Lê Quốc T là chủ doanh nghiệp Xăng dầu TH nhiều lần để đi biển tổng cộng vợ chồng chị thiếu ông T là 418.602.000 đồng. Sau đó vợ chồng chị có trả ông T tổng cộng 87.000.000 đồng, còn thiếu 331.602.000 đồng đây là tình tiết sự kiện không cần phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật dân sự.

Đối với anh L Tòa án đã thông báo, tống đạt các văn bản tố tụng cho anh L biết, nhưng anh L không có ý kiến trình bày đối với yêu cầu khởi kiện của ông T.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của ông T, Hội đồng xét xử thấy rằng việc ông T chủ doanh nghiệp xăng Dầu TH bán dầu cho vợ chồng chị C, anh L là thực tế xãy ra được chị C thừa nhận. Chị C xác định việc vợ chồng chị mua dầu là để đi ghe biển đánh bắt thủy sản tạo thu nhập chung của vợ chồng phù hợp với lời trình bày của ông T. Về nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng mua bán, phía ông T đã giao tài sản là dầu chạy ghe biển cho vợ chồng chị C, anh L, nhưng chị C, anh L chưa thanh toán đầy đủ tiền cho ông T. Do đó yêu cầu khởi kiện của ông T yêu cầu chị C, anh L thanh toán khoảng tiền thiếu là có căn cứ theo quy định tại Điều 440 Bộ luật dân sự. Mặc khác theo giấy ghi nợ đến ngày 24/7/2020 vợ chồng chị C, anh L còn thiếu ông T tổng cộng 331.602.000 đồng, thời điểm này chị C và anh L chưa ly hôn, đây là khoảng nợ phát sinh trong thời kỳ hôn nhân, do đó đây là nợ chung chị C và anh L. Do hiện tại chị C và anh L ly hôn nên mỗi người phải có trách nhiệm trả ½ khoảng nợ trên.

[5] Từ phân tích trên có đủ cơ sở chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông T, buộc chị C, anh L mỗi người có trách nhiệm trả khoảng nợ thiếu ông T là 165.801.000 đồng.

[6] Xét, đề nghị của Viện kiểm sát nhận định phù hợp với Hội đồng xét xử nên có cơ sở để chấp nhận.

[7] Về án phí: Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T nên cần buộc chị C, anh L mỗi người phải nộp án phí dân sự có giá ngạch số tiền: (165.801.000 đồng x 5% = 8.290.000 đồng). Ông T được hoàn lại tiền tạm ứng án phí số tiền: 8.290.000 đồng tại biên lai thu số 0005136 ngày 06/7/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau theo quy định khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 3 Điều 144; Điều 147, khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 431, 440 Bộ luật dân sự; điểm b khoản 1 Điều 24; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Lê Quốc T.

Buộc anh Lương Chí L trả cho ông Lê Quốc T số tiền 165.801.000 đồng *(Một trăm sáu mươi lăm triệu, tám trăm lẽ một ngàn đồng).*

Buộc chị Trần Thị C trả cho ông Lê Quốc T số tiền 165.801 đồng *(Một trăm sáu mươi lăm triệu, tám trăm lẽ một ngàn đồng).*

Kể từ ngày ông T có đơn yêu cầu thi hành án, nếu chị C, anh L không thi hành xong khoảng tiền trên, chị C, anh L còn phải chịu thêm khoản tiền lãi phát sinh theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả.

Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Chị Trần Thị C, anh Lương Chí L mỗi người phải nộp án phí dân sự có giá ngạch số tiền: 8.290.000 đồng (Chưa nộp); Ông Lê Quốc T được nhận lại tiền tạm ứng án phí, lệ phí số tiền: 8.290.000 đồng biên lai thu số 0005136 ngày 06/7/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

Về quyền kháng cáo: Ông Lê Quốc T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị Trần Thị C, anh Lương Chí L và anh Trần Văn T2 được quyền kháng cáo bản án này trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

Trường hợp quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND H. Trần Văn Thời;
- Chi cục THADS H. Trần Văn Thời;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Văn Len